

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
TRƯỜNG KINH TẾ
KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH**



**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH
(CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO)**

Cần Thơ, năm 2024

MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH
(CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO)

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 2606/QĐ-ĐHCT ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh (Chương trình chất lượng cao) được mô tả như sau:

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	Quản trị kinh doanh (Chương trình chất lượng cao)
Tên chương trình (tiếng Anh)	Business Administration (High quality program)
Mã số ngành đào tạo	7340101
Trường cấp bằng	Trường Đại học Cần Thơ
Tên gọi văn bằng	Bằng Cử nhân
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu	163 tín chỉ
Hình thức đào tạo	Chính quy
Thời gian đào tạo	4,5 năm
Đối tượng tuyển sinh	Người có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
Thang điểm đánh giá	Thang điểm 4
Điều kiện tốt nghiệp	- Tích lũy đủ các học phần và số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo; điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên (theo thang điểm 4); - Hoàn thành các học phần điều kiện. Ngoài ra, điểm trung bình chung các học phần Giáo dục quốc phòng và An ninh phải đạt từ 5,0 trở lên (theo thang điểm 10); - Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập trong năm học cuối.
Vị trí việc làm	- Nhân viên tại các bộ phận chức năng như: kinh doanh, nhân sự, marketing, phát triển thị trường, bán hàng, chăm sóc khách hàng, v.v... - Quản lý các bộ phận chức năng như: kinh doanh, nhân sự, marketing, phát triển thị trường, chăm sóc khách hàng, v.v... - Trợ lý hoặc thành viên Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị

	- Tự lập doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, tư vấn kinh doanh, v.v... - Chuyên viên tại các cơ quan quản lý của nhà nước tại địa phương. - Về lâu dài, có thể được thăng tiến đảm nhận các vị trí quản lý trong Ban giám đốc, Hội đồng quản trị, v.v... hoặc trở thành chuyên gia cao cấp trong kinh doanh. - Nơi làm việc: công ty/doanh nghiệp/tập đoàn kinh tế trong nước và có vốn đầu tư nước ngoài; công ty/tập đoàn đa quốc gia; ngân hàng thương mại; cơ quan quản lý của nhà nước tại địa phương; tổ chức tư vấn, đào tạo và nghiên cứu (trường đại học và viện nghiên cứu).
Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	- Hình thành thói quen học tập suốt đời, có khả năng cập nhật kiến thức, nghiên cứu khoa học về lĩnh vực. - Có khả năng học tập các chuyên ngành ở các trình độ sau đại học trong và ngoài nước do cử nhân ngành Quản trị kinh doanh chất lượng cao có trình độ tiếng Anh lưu loát. - Thực hiện các nghiên cứu chuyên sâu.
Tham khảo khi xây dựng chương trình đào tạo	- Các tài liệu hướng dẫn xây dựng chuẩn đầu ra theo đề cương CDIO. - Tài liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn AUN-QA. - Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Houston Downtown (Texas, Mỹ), chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Groningen (Hà Lan) và có tính liên thông với chương trình đào tạo ngành Kinh doanh (Business) của Trường Đại học Wollongong (Úc).
Thông tin về đánh giá, kiểm định chương trình đào tạo	Trường Đại học Cần Thơ đã được chứng nhận đạt chất lượng cơ sở giáo dục giai đoạn 2018 – 2023.
Thời gian cập nhật bản mô tả	Tháng 9 năm 2023

2. Mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Quản trị kinh doanh đào tạo sinh viên theo định hướng phát triển tư duy và khả năng ra quyết định của nhà quản lý đối với các quá trình sản xuất - kinh doanh nhằm phát triển doanh nghiệp và phát triển bản thân để trở thành nhà quản lý tương lai của các doanh nghiệp. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có năng lực làm việc tốt, có kỹ năng tốt, có kiến thức chuyên môn vững chắc, hình thành nhân cách, đạo đức chuẩn mực và tác phong chuyên nghiệp trong công việc, biết cách học tập suốt đời để đáp ứng tốt nhu cầu phát triển của đất nước đang ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới trong kỷ nguyên toàn cầu hóa.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo:

a. Trang bị cho người học trình độ lý luận chính trị, có kiến thức quốc phòng an ninh, kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và pháp luật để vận dụng vào thực tiễn;

b. Trang bị cho người học kỹ năng vận dụng năng lực ngoại ngữ trong giao tiếp kinh doanh và năng lực công nghệ thông tin để vận dụng trong quản trị kinh doanh;

c. Trang bị cho người học kiến thức về kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, các công cụ thống kê, kiến thức về marketing, kế toán và tài chính để phân tích môi trường kinh doanh, hoạch định, tổ chức và thực thi chiến lược kinh doanh cho các doanh nghiệp/công ty;

d. Trang bị cho người học kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề trong quản trị kinh doanh với tư duy chiến lược và sáng tạo;

đ. Trang bị cho người học kỹ năng lãnh đạo, quản trị và điều hành các công ty, doanh nghiệp; kỹ năng làm việc chuyên nghiệp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tự học và học suốt đời, tự nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên ngành và kỹ năng thích ứng cao với môi trường làm việc không ngừng thay đổi.

e. Trang bị cho người học thể lực và tinh thần mạnh mẽ để hoạt động tốt trong môi trường làm việc áp lực.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Hoàn thành chương trình đào tạo người học đạt được kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm như sau:

3.1. Kiến thức

3.1.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương

a. Trình bày kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, về đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh; về nền quốc phòng toàn dân nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; về hiến pháp và pháp luật đại cương, về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên để đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

b. Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học văn phòng và sử dụng được một ngoại ngữ tương đương trình độ bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (B2 theo khung tham chiếu Châu Âu).

3.1.2. Khối kiến thức cơ sở ngành

a. Vận dụng các nguyên lý kinh tế học phù hợp nhằm lý giải và phân tích/đánh giá các vấn đề kinh tế tầm vĩ mô và vi mô; sử dụng các công cụ thống kê và định lượng hiệu quả trong hoạt động quản trị doanh nghiệp;

b. Vận dụng nền tảng kiến thức về quản trị hiệu quả trong hoạt động vận hành doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh;

c. Sử dụng các kiến thức về kế toán quản trị, tài chính và marketing phục vụ hiệu quả cho việc đưa ra các quyết định quản trị và chính sách kinh doanh.

3.1.3. Khối kiến thức chuyên ngành

a. Vận dụng kiến thức về quản trị sản xuất, marketing, nhân sự, quản trị chất lượng hiệu quả để điều hành các phân hệ quản trị trong một doanh nghiệp/công ty;

b. Phân tích môi trường kinh doanh hợp lý khi hoạch định chiến lược/lập kế hoạch kinh doanh cho các doanh nghiệp/công ty;

c. Hình thành các ý tưởng kinh doanh sáng tạo và xây dựng các dự án khởi nghiệp kinh doanh; thực hiện được các nghiên cứu trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; Vận hành/điều hành công ty/doanh nghiệp hoạt động trong môi trường cạnh tranh toàn cầu.

3.2. Kỹ năng

3.2.1. Kỹ năng cứng

a. Phát triển kỹ năng kỹ thuật để hiểu biết về lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng lãnh đạo để điều khiển, động viên, khích lệ nhân viên;

b. Phát triển kỹ năng xử lý thu thập, xử lý và truyền đạt thông tin để xây dựng tốt hệ thống thông tin quản trị trong doanh nghiệp/công ty, xử lý thông tin, phân tích vấn đề và ra quyết định; hình thành kỹ năng tư duy hệ thống, phát triển và sáng tạo các phương pháp giải quyết vấn đề mới cho chính bản thân và doanh nghiệp/công ty.

3.2.2. Kỹ năng mềm

a. Phát triển kỹ năng làm việc nhóm để xây dựng, lãnh đạo, tổ chức hoạt động và phát triển nhóm; kỹ năng giao tiếp để hình thành chiến lược giao tiếp, tổ chức giao tiếp, sử dụng các phương tiện giao tiếp hiệu quả, và biết phương pháp thuyết trình và thu hút trong giao tiếp; kỹ năng phân biện và tư duy hệ thống để lập luận vấn đề logic, có hệ thống, hiểu vấn đề ở phạm vi toàn cục, biết sự tương tác giữa các vấn đề và sắp xếp được các vấn đề theo thứ tự ưu tiên cần giải quyết/xử lý;

b. Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, nghiên cứu, khám phá kiến thức và kỹ năng mới, đề xuất sáng kiến và sẵn sàng chấp nhận rủi ro, kiên trì và linh hoạt trong công việc; kỹ năng tự học, học suốt đời và làm việc độc lập; kỹ năng làm việc có kế hoạch, phân bổ công việc hợp lý, biết cách quản lý thời gian, và có kế hoạch phát triển nghề nghiệp của mình;

c. Sử dụng thành thạo ngoại ngữ để làm việc với đối tác bằng tiếng Anh, đọc hiểu tốt các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh; sử dụng thành thạo công nghệ thông tin phục vụ cho nghề nghiệp trong thời đại kỹ thuật số.

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

a. Hình thành phẩm chất và bản lĩnh chính trị, có đạo đức và trách nhiệm xã hội, có ý thức kỷ luật và tác phong làm việc chuyên nghiệp; có tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ, không ngừng học hỏi theo tinh thần học tập suốt đời để ngày càng hoàn thiện bản thân hơn nữa;

b. Phát triển đam mê, hoài bão lớn và khao khát làm giàu cho bản thân và cộng đồng, vận dụng những kiến thức đã tiếp thu và những kỹ năng đã hình thành trong quá trình học để đạt được thành công cho bản thân, qua đó đóng góp vào sự tăng trưởng của quốc gia và quốc tế.

4. Tiêu chí tuyển sinh

Căn cứ theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Cần Thơ.

5. Ma trận mối quan hệ mục tiêu, chuẩn đầu ra và học phần

5.1. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu đào tạo (1)	Chuẩn đầu ra (2)														
	Kiến thức (2.1)								Kỹ năng (2.2)					Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm (2.3)	
	Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)		Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)			Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)			Kỹ năng cứng (2.2.1)		Kỹ năng mềm (2.2.2)				
	a	b	a	b	c	a	b	c	a	b	a	b	c	a	b
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15
1.2a	X														
1.2b		X													
1.2c			X	X	X										
1.2d						X	X	X							
1.2đ									X	X	X	X	X		
1.2e														X	X

5.2. Ma trận mối quan hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

			Chuẩn đầu ra (2)																
			Kiến thức (2.1)									Kỹ năng (2.2)						Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm (2.3)	
			Giáo dục đại cương (2.1.1)		Cơ sở ngành (2.1.2)			Chuyên ngành (2.1.3)				Kỹ năng cứng (2.2.1)		Kỹ năng mềm (2.2.2)					
TT	Mã số học phần	Tên học phần	a	b	a	b	c	a	b	c	a	b	a	b	c	a	b		
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO14		
Khối Kiến thức tiếng Anh																			
1	FL010H	Nghe nói và ngữ âm thực hành (*)		3											3	1			
2	FL011H	Đọc hiểu (*)		3											3	1			
3	FL012H	Viết (*)		3											3	1			
4	FL013H	Ngữ pháp ứng dụng (*)		3											3	1			
5	FL014H	Kỹ năng thuyết trình (*)		3											3	1			
6	FLx00H	Thi đánh giá năng lực tiếng Anh (*)		3											3	1			

			Chuẩn đầu ra (2)																
			Kiến thức (2.1)									Kỹ năng (2.2)						Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm (2.3)	
			Giáo dục đại cương (2.1.1)		Cơ sở ngành (2.1.2)			Chuyên ngành (2.1.3)			Kỹ năng cứng (2.2.1)		Kỹ năng mềm (2.2.2)						
TT	Mã số học phần	Tên học phần	a	b	a	b	c	a	b	c	a	b	a	b	c	a	b		
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO14		
Khối kiến thức giáo dục đại cương																			
7	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	1													2			
8	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2													2			
9	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	3													2			
10	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	4													2			
11	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	2													2			
12	TN033H	Tin học căn bản (*)		2											3		2		
13	TN034H	TT. Tin học căn bản (*)		3											3		2		
14	ML014	Triết học Mác - Lênin	2														2		
15	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2													3	2		
16	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3													3	2		
17	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3													3	2		
18	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3												3	3	2		
19	KT052H	Xác suất thống kê	2													1			
20	KL001E	Pháp luật đại cương	2													1			
21	KT101H	Toán kinh tế	2												3	1			
22	ML007	Logic học đại cương	2													1			
23	XH028	Xã hội học đại cương	1													1			
24	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	1													1			
Khối kiến thức cơ sở ngành																			
25	KT103H	Kinh tế vi mô			1	2	1								3	1			
26	KT104H	Kinh tế vĩ mô			2	2	1								3	1			
27	KT110H	Thống kê trong kinh doanh			2	2	1									1			
28	KT142	Luật thương mại			1	2	1									1			
29	KT143	Luật cạnh tranh			1	2	1									1			
30	KT106H	Quản trị học			1	2	1								3	1			
31	KT107H	Marketing căn bản			1	2	3								3	1			
32	KT108H	Nguyên lý kế toán			1	2	2								3	1			
33	KT127H E	Nguyên lý tiền tệ và Hệ thống tài chính			1	2	2								3	1			

			Chuẩn đầu ra (2)																
			Kiến thức (2.1)									Kỹ năng (2.2)						Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm (2.3)	
			Giáo dục đại cương (2.1.1)		Cơ sở ngành (2.1.2)			Chuyên ngành (2.1.3)			Kỹ năng cứng (2.2.1)		Kỹ năng mềm (2.2.2)						
TT	Mã số học phần	Tên học phần	a	b	a	b	c	a	b	c	a	b	a	b	c	a	b		
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO14		
34	KT116H	Quản trị tài chính 1			2	2	3								3	1			
35	KT119	Phương pháp tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề			1	2	1									1			
36	KT205	Quy hoạch tuyến tính			2	2	2									1			
37	KT323H	Kế toán quản trị			1	2	2								3	1			
38	KT113	Kinh tế lượng			2	2	1									1			
39	KT111H	Kinh tế quốc tế			1	2	1								3	1			
40	KT341	Kế toán tài chính 1			1	2	2									1			
Khối kiến thức chuyên ngành																			
41	KT115H	Quản trị nguồn nhân lực						3	2	2	2	2	2	2	3	1	1		
42	KT206	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp						1	1	1	1	1	2	2		1	1		
43	KT213H	Quản trị sản xuất và tác nghiệp						3	2	2	1	1	2	2	3	1	1		
44	KT345	Quản trị chất lượng sản phẩm						3	2	2	2	2	2	2		1	1		
45	KT494	Kiến tập ngành Quản trị kinh doanh 1						2	2	2	3	3	2	2		1	1		
46	KT325H	Nghiên cứu Marketing						3	2	2	2	2	2	2	3	1	1		
47	KT201	Quản trị dự án						2	2	2	2	2	2	2		1	1		
48	KT332H	Hành vi tổ chức						1	1	2	2	2	2	2	3	1	1		
49	KT330H	Khởi sự doanh nghiệp						1	1	3	2	2	2	2		1	1		
50	KT479	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh						2	3	2	3	3	2	2		1	1		
51	KT191	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng						2	2	2	2	2	2	2		1	1		
52	KT346	Quản trị chiến lược						3	3	2	2	2	2	2		1	1		
53	KT212H	Quản trị thương hiệu						3	2	2	2	2	2	2	3	1	1		
54	KT487	Kiến tập ngành Quản trị kinh doanh 2						2	2	2	3	3	2	2		1	1		
55	KT207	Mô phỏng tình huống trong kinh doanh						3	2	3	3	3	2	2		1	1		
56	KT493	Nghệ thuật lãnh đạo						2	2	2	3	3	2	2		1	1		
57	KT443	Chuyên đề Quản trị kinh doanh						2	2	2	3	3	2	2		1	1		
58	KT480	Phân tích định tính trong kinh doanh						2	2	2	2	2	2	2		1	1		

			Chuẩn đầu ra (2)																
			Kiến thức (2.1)									Kỹ năng (2.2)						Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm (2.3)	
			Giáo dục đại cương (2.1.1)		Cơ sở ngành (2.1.2)			Chuyên ngành (2.1.3)			Kỹ năng cứng (2.2.1)		Kỹ năng mềm (2.2.2)						
TT	Mã số học phần	Tên học phần	a	b	a	b	c	a	b	c	a	b	a	b	c	a	b		
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO14		
59	KT337	Thương mại điện tử						2	2	2	2	2	2	2		1	1		
60	KT358	Quản trị quan hệ khách hàng						2	2	2	2	2	2	2		1	1		
61	KT202H	Quản trị tài chính 2						2	2	3	2	2	2	2	3	1	1		
62	KT123E	Quản trị sự thay đổi						2	2	2	2	2	2	2		1	1		
63	KT316	Kinh doanh quốc tế						2	2	2	2	2	2	2		1	1		
64	KT316H	Quản trị đa văn hóa						2	2	2	2	2	2	2	3	1	1		
Khối kiến thức bổ trợ																			
65	KT492	Giao tiếp trong kinh doanh						2	1	1	2	2	3	3		1	1		
66	KT489	Kỹ năng đàm phán						2	1	1	2	2	3	3		1	1		
67	KT490	Kỹ năng lập kế hoạch						2	1	1	2	2	3	3		1	1		
Luận văn tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp																			
68	KT401H	Luận văn tốt nghiệp - QTKD						3	3	2	3	3	3	3	3	1	1		
69	KT291	Tiểu luận tốt nghiệp - QTKD						3	3	2	3	3	3	3		1	1		
70	KT491	Dự báo trong kinh doanh						3	3	2	3	3	3	3		1	1		
71	KT286	Quản trị rủi ro trong kinh doanh						3	3	2	3	3	3	3		1	1		
72	CN204	Quản lý kỹ thuật và công nghệ						3	3	2	3	3	3	3		1	1		
73	KT208	Quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp						3	3	2	3	3	3	3		1	1		

Ghi chú: 1, 2, 3 là mức độ đóng góp của mỗi học phần trong chương trình đào tạo. Mức độ đóng góp:

1. Giới thiệu/Tiếp cận (I – Introduced): Người học trình bày được kiến thức một cách sơ lược; thực hiện được các thao tác ở mức độ lặp lại có hướng dẫn; tự nguyện tiếp nhận kiến thức thông tin.
2. Vận dụng/Tăng cường (R – Reinforced): Người học áp dụng được kiến thức để giải quyết những vấn đề tương tự; thực hiện được các kỹ năng ở mức độ thao tác; tích cực tham gia vào việc tiếp nhận thông tin.
3. Thông thạo (M – Mastered): Người học vận dụng sáng tạo những kiến thức và kỹ năng vào những tình huống thực tiễn; mô tả lại được những thao tác/quy trình mà mình đã được thực hành; chấp nhận, tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, thấm nhuần các giá trị đạo đức và thừa nhận trách nhiệm với hành vi của bản thân.

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Căn cứ Quyết định số 2606/QĐ-ĐHCT ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình dạy học ngành Quản trị kinh doanh (Chương trình chất lượng cao) được mô tả như sau:

1. Cấu trúc chương trình dạy học

Khối lượng kiến thức toàn khóa	: 163 tín chỉ (Bắt buộc: 116 TC; Tự chọn: 30 TC và 17 TC tiếng Anh tăng cường)
Khối kiến thức giáo dục đại cương	: 34 tín chỉ (Bắt buộc: 29 tín chỉ; Tự chọn: 05 tín chỉ)
Khối kiến thức cơ sở ngành	: 43 tín chỉ (Bắt buộc: 37 tín chỉ; Tự chọn: 06 tín chỉ)
Khối kiến thức chuyên ngành	: 53 tín chỉ (Bắt buộc: 44 tín chỉ; Tự chọn: 09 tín chỉ)
Khối kiến thức bổ trợ	: 06 tín chỉ (Bắt buộc: 06 tín chỉ; Tự chọn: 0 tín chỉ)
Luận văn tốt nghiệp	: 10 tín chỉ (Bắt buộc: 0 tín chỉ; Tự chọn: 10 tín chỉ)

2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
Khối Kiến thức tiếng Anh										
1	FL010H	Nghe nói và ngữ âm thực hành (*)	4	4		60				
2	FL011H	Đọc hiểu (*)	3	3		45				
3	FL012H	Viết (*)	3	3		45				
4	FL013H	Ngữ pháp ứng dụng (*)	2	2		30				
5	FL014H	Kỹ năng thuyết trình (*)	3	3		45				
6	FLx00H	Thi đánh giá năng lực tiếng Anh (*)	2	2		30				
Cộng: 17 TC (Bắt buộc: 17 TC; Tự chọn: 0 TC)										
Khối kiến thức giáo dục đại cương										
7	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8	Bố trí theo nhóm ngành		
8	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8	Bố trí theo nhóm ngành		
9	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		14	16	Bố trí theo nhóm ngành		
10	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56	Bố trí theo nhóm ngành		
11	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90			
12	TN033H	Tin học căn bản (*)	1	1		15				
13	TN034H	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		TN033H	
14	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				
15	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		
16	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		
17	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		
18	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		
19	KT052H	Xác suất thống kê	2	2		30				
20	KL001E	Pháp luật đại cương	2	2		30				
21	KT101H	Toán kinh tế	3	3		45				
22	ML007	Logic học đại cương	2		2	30				
23	XH028	Xã hội học đại cương	2			30				
24	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30				
Cộng: 34 TC (Bắt buộc: 29 TC; Tự chọn: 5 TC)										
Khối kiến thức cơ sở ngành										
25	KT103H	Kinh tế vi mô	3	3		45				
26	KT104H	Kinh tế vĩ mô	3	3		45				
27	KT110H	Thống kê trong kinh doanh	3	3		45		KT052H		
28	KT142	Luật thương mại	3	3		45				
29	KT143	Luật cạnh tranh	2	2		30				
30	KT106H	Quản trị học	3	3		45				

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
31	KT107H	Marketing căn bản	3	3		45				
32	KT108H	Nguyên lý kế toán	3	3		45				
33	KT127HE	Nguyên lý tiền tệ và Hệ thống tài chính	3	3		45				
34	KT116H	Quản trị tài chính 1	3	3		45				
35	KT119	Phương pháp tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề	2	2		30				
36	KT205	Quy hoạch tuyến tính	3	3		45				
37	KT323H	Kế toán quản trị	3	3		45		KT108H		
38	KT113	Kinh tế lượng	3			45		KT110H		
39	KT111H	Kinh tế quốc tế	3		6	45		KT104H		
40	KT341	Kế toán tài chính 1	3			45				
Cộng: 43 TC (Bắt buộc: 37 TC; Tự chọn: 6 TC)										
Khối kiến thức chuyên ngành										
41	KT115H	Quản trị nguồn nhân lực	3	3		45				
42	KT206	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2	2		30				
43	KT213H	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	3	3		45				
44	KT345	Quản trị chất lượng sản phẩm	2	2		30				
45	KT494	Kiến tập ngành Quản trị kinh doanh 1	2	2			60	KT115H,KT213H		
46	KT325H	Nghiên cứu Marketing	3	3		45				
47	KT201	Quản trị dự án	2	2		30				
48	KT332H	Hành vi tổ chức	3	3		45				
49	KT330H	Khởi sự doanh nghiệp	3	3		45				
50	KT479	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	3	3		30	30			
51	KT191	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3	3		45				
52	KT346	Quản trị chiến lược	3	3		45		KT103H		
53	KT212H	Quản trị thương hiệu	3	3		45		KT104H		
54	KT487	Kiến tập ngành Quản trị kinh doanh 2	2	2			60	KT191, KT212H		
55	KT207	Mô phỏng tình huống trong kinh doanh	3	3		45		≥ 105 TC		
56	KT493	Nghệ thuật lãnh đạo	2	2		30				
57	KT443	Chuyên đề Quản trị kinh doanh	2	2			60	KT479		
58	KT480	Phân tích định tính trong kinh doanh	2			30				
59	KT337	Thương mại điện tử	2			30				
60	KT358	Quản trị quan hệ khách hàng	2			30				
61	KT202H	Quản trị tài chính 2	3		9	45				
62	KT123E	Quản trị sự thay đổi	2			30				
63	KT316	Kinh doanh quốc tế	3			45				
64	KT316H	Quản trị đa văn hóa	3			45				
Cộng: 53 TC (Bắt buộc: 44 TC; Tự chọn: 9 TC)										
Khối kiến thức bổ trợ										
65	KT492	Giao tiếp trong kinh doanh	2	2		30				
66	KT489	Kỹ năng đàm phán	2	2		30				
67	KT490	Kỹ năng lập kế hoạch	2	2		30				
Cộng: 6 TC (Bắt buộc: 6 TC; Tự chọn: 0 TC)										
Luận văn tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp										
68	KT401H	Luận văn tốt nghiệp - QTKD	10				300	≥ 105 TC		
69	KT291	Tiểu luận tốt nghiệp - QTKD	4				120	≥ 105 TC		
70	KT491	Dự báo trong kinh doanh	3		10	45		≥ 105 TC		
71	KT286	Quản trị rủi ro trong kinh doanh	3			45		≥ 105 TC		
72	CN204	Quản lý kỹ thuật và công nghệ	2			20	20	≥ 105 TC		
73	KT208	Quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp	2			30				
Cộng: 10 TC (Bắt buộc: 0 TC; Tự chọn: 10 TC)										
Tổng cộng: 163 TC (Bắt buộc: 116 TC; Tự chọn: 30 TC và 17 TC tiếng Anh tăng cường)										

3. Kế hoạch dạy học

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HP song hành	Ghi chú
Học kỳ 1										
1	FL010H	Nghe nói và ngữ âm thực hành (*)	4	4		60				
2	FL011H	Độc hiểu (*)	3	3		45				
3	FL013H	Ngữ pháp ứng dụng (*)	2	2		30				
4	FL014H	Kỹ năng thuyết trình (*)	3	3		45				
5	FL012H	Viết (*)	3	3		45				
Cộng			15	15						
Học kỳ 2										
1	KT052H	Xác suất thống kê	2	2		30				
2	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				
3	KL001E	Pháp luật đại cương	2	2		30				
4	KT101H	Toán kinh tế	3	3		45				
5	XH028	Xã hội học đại cương	2		2	30				
Cộng			12	10	2					
Học kỳ 3										
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8	Bố trí theo nhóm ngành		
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8			
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		14	16			
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56			
5	KT119	Phương pháp tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề	2	2		30				
6	KT106H	Quản trị học	3	3		45				
Cộng			13	13						
Học kỳ 4										
1	TC100	Giáo dục thể chất 1 (*)	1		1		30			
2	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		
3	KT103H	Kinh tế vi mô	3	3		45				
4	KT110H	Thống kê trong kinh doanh	3	3		45		KT052H		
5	KT107H	Marketing căn bản	3	3		45				
Cộng			12	11	1					
Học kỳ 5										
1	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		
2	KT104H	Kinh tế vi mô	3	3		45				
3	KT108H	Nguyên lý kế toán	3	3		45				
4	KT127H	Nguyên lý tiền tệ và Hệ thống tài chính	3	3		45				
5	TC100	Giáo dục thể chất 2 (*)	1		1		30			
Cộng			12	11	1					
Học kỳ 6										
1	FL100H	Thi đánh giá năng lực tiếng Anh (*)	2	2		30				
2	TC100	Giáo dục thể chất 3 (*)	1		1		30			
3	KT115H	Quản trị nguồn nhân lực	3	3		45				
4	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		
5	KT191	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	3	3		45				
6	KT492	Giao tiếp trong kinh doanh	2	2		30				
Cộng			13	12	1					
Học kỳ 7										
1	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		
2	KT479	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	3	3		45				
3	KT337	Thương mại điện tử	2		2	30				
4	KT358	Quản trị quan hệ khách hàng	2		2	30				
5	KT212H	Quản trị thương hiệu	3	3		45		KT104H		
6	TN033H	Tin học căn bản (*)	1	1		15				
7	TN034H	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		TN033H	
Cộng			15	11	4					

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HP song hành	Ghi chú
Học kỳ 8										
1	KT213H	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	3	3		45				
2	KT113	Kinh tế lượng	3		3	45		KT110H		
3	KT142	Luật thương mại	3	3		45				
4	KT205	Quy hoạch tuyến tính	3	3		45				
Cộng			12	9	3					
Học kỳ 9										
1	KT201	Quản trị dự án	2	2		30				
2	KT494	Kiến tập ngành Quản trị kinh doanh 1	2	2			60	KT115H, KT213H		III
3	KT480	Phân tích định tính trong kinh doanh	2		2	45				
4	KT332H	Hành vi tổ chức	3	3		45				
5	KT325H	Nghiên cứu Marketing	3	3		45				
Cộng			12	10	2					
Học kỳ 10										
1	KT116H	Quản trị tài chính 1	3	3		45				
2	KT493	Nghệ thuật lãnh đạo	2	2		30				
3	KT443	Chuyên đề Quản trị kinh doanh	2	2			60	KT479		
4	KT341	Kế toán tài chính 1	3		3	45				
5	KT487	Kiến tập ngành Quản trị kinh doanh 2	2	2			60	KT191, KT212H		I
Cộng			12	9	3					
Học kỳ 11										
1	KT489	Kỹ năng đàm phán	2	2		30				
2	KT323H	Kế toán quản trị	3	3		45				
3	KT316	Kinh doanh quốc tế	3		3	45				
4	KT346	Quản trị chiến lược	3	3		45		KT103H		
5	KT206	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2	2		30				
Cộng			13	10	3					
Học kỳ 12										
1	KT207	Mô phỏng tình huống trong kinh doanh	3	3		45		≥ 105 TC		
2	KT330H	Khởi sự doanh nghiệp	3	3		45				
3	KT143	Luật cạnh tranh	2	2		30				
4	KT345	Quản trị chất lượng sản phẩm	2	2		30				
5	KT490	Kỹ năng lập kế hoạch	2	2		30				
Cộng			12	12						
Học kỳ 13										
1	KT401H	Luận văn tốt nghiệp - QTKD	10		10		300	≥ 105 TC		
Cộng			10		10					
TỔNG CỘNG			163	133	30	(146 TC của các khối kiến thức và 17 TC tiếng Anh tăng cường bắt buộc)				

4. Mô tả tóm tắt các học phần

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy HP
1	FL010H	Nghe, Nói và Ngữ âm thực hành	4	Trang bị cho sinh viên kiến thức về nghe ý chính, ý chi tiết và nói trong các tình huống nói độc thoại hoặc giao tiếp xã hội và có thể giải quyết tình huống xảy ra trong giao tiếp. Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên biết cách phát âm các nguyên âm, phụ âm trong Tiếng Anh, và cách đọc phiên âm quốc tế được ghi trong	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy HP
				từ điển. Sinh viên có thể biết và vận dụng kiến thức về ngữ điệu ở mức cơ bản để có thể giao tiếp hiệu quả trong các tình huống liên quan tới các chủ đề quen thuộc như môi quan hệ, quê hương, giáo dục và việc làm, thực phẩm, mua sắm, thời gian rảnh, và môi trường. Thêm vào đó, các hoạt động trong học phần cũng tạo điều kiện cho sinh viên phát triển tinh thần trách nhiệm trong học tập và nâng cao lòng yêu nước và tự hào dân tộc.	
2	FL011H	Đọc hiểu	3	Giúp sinh viên phát triển các kỹ năng và chiến lược đọc cơ bản tương đương Bậc 3 theo Khung Năng lực Ngoại ngữ Việt Nam như đọc lấy ý chính, đọc tìm các chi tiết cụ thể, đoán nghĩa của từ qua ngữ cảnh với các văn bản có độ dài vừa phải. Sinh viên sẽ tăng cường vốn từ vựng tiếng Anh, cũng như phát triển khả năng tự học, kỹ năng quản lý thời gian và làm việc nhóm một cách có hiệu quả.	Khoa Ngoại ngữ
3	FL012H	Kỹ năng Viết	3	Trang bị cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ và kỹ năng cần thiết để thực hiện 02 bài viết theo định dạng VSTEP bậc 3. Bài viết 01 (Task 1) tập trung vào viết thư/email theo phong cách trang trọng hoặc thân mật với các chủ đề quen thuộc. Bài viết 02 (Task 2) yêu cầu sinh viên phát triển ý tưởng thành một bài luận học thuật nhằm phân tích ưu điểm/Khuyết điểm hoặc tranh luận quan điểm về một vấn đề. Sinh viên học cách sử dụng từ vựng, cấu trúc ngôn ngữ đặc thù, đồng thời thực hành khai thác ý tưởng và bày tỏ ý kiến. Học phần này cũng hỗ trợ phát triển kỹ năng mềm như phân biện, quản lý thời gian, tự học và làm việc nhóm.	Khoa Ngoại ngữ
4	FL013H	Ngữ pháp ứng dụng	2	Ở học phần Ngữ pháp Ứng dụng, người học sẽ ôn tập, bổ sung, và hệ thống lại kiến thức ngữ pháp tiếng Anh liên quan tới các từ loại (Danh từ, Đại từ, Động từ, Tính từ, Trạng từ, và Giới từ), 5 mẫu câu cơ bản, các loại câu phân loại theo cấu trúc (câu đơn, câu ghép, câu phức), và các loại mệnh đề phụ trong câu phức (mệnh đề danh từ, mệnh đề tính từ, và mệnh đề trạng từ). Người học áp dụng những kiến thức này để sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp chính xác nhất có thể.	Khoa Ngoại ngữ
5	FL014H	Kỹ năng thuyết trình	3	Trang bị cho sinh viên kiến thức về thuyết trình, các đặc điểm và cấu trúc của một bài thuyết trình. Bên cạnh đó, sinh viên được trang bị các kỹ năng và luyện tập thực hiện các bài thuyết trình ở các lĩnh vực khác nhau qua đó các kiến thức xã hội, chuyên ngành và kỹ năng ngôn ngữ được tích lũy và cải thiện. Kiến thức và kỹ năng trong học phần này sẽ hỗ trợ sinh viên tự tin trong giao tiếp, thực hiện bài thi Nghe, Nói và Viết tương đương Bậc 3 theo Khung Năng lực Ngoại ngữ Việt Nam. Ngoài ra, học phần cũng hỗ trợ sinh viên phát triển các kỹ năng mềm khác như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phân biện, kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng làm việc đôi/nhóm.	Khoa Ngoại ngữ
6	FLx00H	Ôn thi đánh giá năng lực tiếng Anh	2	Mô tả tổng quát bậc năng lực cần đạt (bậc 4) - theo Quyết định Số: 729/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Có thể hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên đạt đến mức các giao tiếp thường xuyên này với người bản ngữ không gây khó khăn cho cả hai bên. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết về nhiều chủ đề	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy HP
				khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề có tính thời sự, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.	
7	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	Đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Dành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ. Xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia và đảm bảo trật tự an toàn xã hội.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
8	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	Được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng và an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
9	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học một số kiến thức cơ bản về chế độ sinh hoạt, nề nếp chính qui, kỹ năng cơ bản thực hành các động tác Điều lệnh đội ngũ và các kỹ năng quân sự cần thiết, hiểu biết kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, phòng chống địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao, rèn luyện sức khỏe qua các nội dung quân sự	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
10	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học một số kỹ năng cơ bản thực hành kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK, rèn luyện kỹ năng sử dụng lựu đạn trong chiến đấu, kỹ năng thực hành chiến đấu trong tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, cảnh giới.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
11	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1	Học phần Giáo dục Thể chất không chuyên 1+2+3 là học phần chung tượng trưng cho các học phần Giáo dục Thể chất sinh viên không chuyên ngành Giáo dục Thể chất phải học để hoàn thành chương trình đào tạo của ngành mình. Để hoàn thành học phần Giáo dục thể chất sinh viên không đăng ký học phần TC100 mà thay vào đó sinh viên phải đăng ký vào từng học phần cụ thể tùy theo khả năng và nhu cầu muốn học như: Học phần Taekwondo thì sinh viên đăng ký 03 học phần: Taekwondo 1(TC003), Taekwondo 2(TC004), Taekwondo 3,(TC019), các học phần Giáo dục Thể chất khác cũng tương tự...	Khoa Giáo dục Thể chất
12	TN033H	Tin học căn bản (*)	1	Môn học này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết lý thuyết cơ bản về công nghệ thông tin: khái niệm về thông tin, cấu trúc tổng quát của máy tính, hệ điều hành Windows, các lệnh và thao tác để soạn thảo văn bản bằng Microsoft	Khoa Khoa học Tự nhiên

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy HP
				Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail.	
13	TN034H	TT. Tin học căn bản (*)	2	Bằng cách thông qua thực hành trên máy tính, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng: Sử dụng hệ điều hành Windows, soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail. Trong phần thực hành cũng lồng ghép các kỹ năng viết báo cáo khoa học, kỹ năng soạn các bản trình bày trên các máy chiếu đa phương tiện.	Khoa Khoa học Tự nhiên
14	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về triết học Mác – Lênin bao gồm: Triết học vào vai trò của triết học trong đời sống xã hội, Triết học Mác – Lênin và vai trò của Triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội; Chủ nghĩa duy vật biện chứng: vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật và lý luận nhận thức; Chủ nghĩa duy vật lịch sử: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người.	Khoa Khoa học Chính trị
15	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kinh tế chính trị Mác - Lênin bao gồm; Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể khi tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt nam.	Khoa Khoa học Chính trị
16	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Trong học phần này sinh viên sẽ nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về chủ nghĩa xã hội và thực tiễn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. Nội dung chủ yếu của học phần tập trung vào một số vấn đề như: sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; liên minh giai cấp, tầng lớp; vấn đề dân tộc, tôn giáo; vấn đề về gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	Khoa Khoa học Chính trị
17	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930); quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	Khoa Khoa học Chính trị
18	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Cùng với môn học Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng nước ta, tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ	Khoa Khoa học Chính trị

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy HP
				bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới. Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1 trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học, cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh.	
19	KT052H	Xác suất thống kê	2	Học phần gồm 5 chương: chương 1 - Xác suất và công thức tính xác suất, chương 2 - Biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, chương 3 - Thống kê dữ liệu, chương 4 - Ước lượng tham số, chương 5 - Kiểm định giả thiết thống kê.	Khoa Khoa học Tự nhiên
20	KL001E	Pháp luật đại cương	2	Học phần này được thiết kế giảng dạy cho sinh viên không chuyên ngành Luật. Học phần giới thiệu những vấn đề lý luận cơ bản của học thuyết Mác-Lênin về nhà nước và pháp luật từ nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng cũng như các kiểu nhà nước và pháp luật đã hình thành, tồn tại và phát triển qua các hình thái kinh tế xã hội khác nhau trong lịch sử nhân loại. Thêm vào đó, học phần cũng bao gồm việc nghiên cứu vị trí của nhà nước trong hệ thống chính trị, cấu thành bộ máy nhà nước, các hệ thống cơ quan nhà nước. Khối lượng lớn kiến thức cơ bản thuộc các ngành luật thông dụng của Việt Nam cũng được giới thiệu như quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tội phạm, vi phạm pháp luật hành chính, quy định của pháp luật về kết hôn, ly hôn, thừa kế...	Khoa Luật
21	KT101H	Toán kinh tế	3	The course offers mathematical tools to economics problems. Topics include linear algebra; derivatives; differentials; integrals; and optimizations.	Trường Kinh tế
22	ML007	Logic học đại cương	2	Học phần trang bị những tri thức của logic hình thức. Cung cấp những quy tắc và các yêu cầu của các quy luật cơ bản của tư duy như: Quy luật đồng nhất; Quy luật phi mâu thuẫn; Quy luật gạt bỏ cái thứ ba; Quy luật lý do đầy đủ. Và hình thức cơ bản của tư duy như: Khái niệm, Phán đoán, Suy luận, Giả thuyết, Chứng minh; Bác bỏ và Ngụy biện.	Khoa Khoa học Chính trị
23	XH028	Xã hội học đại cương	2	Môn học nghiên cứu qui luật, tính qui luật của sự hình thành, vận động biến đổi mối quan hệ, tương tác qua lại giữa con người và xã hội. Đối tượng nghiên cứu của Xã hội học là các quan hệ xã hội, tương tác xã hội biểu hiện qua các hành vi giữa người với người trong các nhóm, các tổ chức, các hệ thống xã hội.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
24	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2	Môn học Văn bản – Lưu trữ học nhằm trang bị kiến thức lý luận và thực tiễn về văn bản quản lý và tài liệu lưu trữ, giúp sinh viên nhận thức rõ vai trò của văn bản hành chính và tài liệu lưu trữ đối với công tác quản lý. Bên cạnh đó, môn học này còn giúp người học nắm vững phương pháp soạn thảo và quản lý khoa học các loại văn bản hành chính, biết cách lựa chọn, phân loại văn bản để lưu trữ; biết cách tra tìm, sử dụng tài liệu lưu trữ để có thể làm tốt công tác quản lý ở trường học cũng như ở các cơ quan nói chung.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
25	KT103H	Kinh tế vi mô	3	This course aims at providing students the following knowledges (i) Resource scarcity, (ii) Supply – demand theory and market mechanism, (iii) Consumer's behaviour and utility	Trường Kinh tế

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy HP
				maximization, (iv) Producer's behaviour and profit maximization and (v) Perfectly competition and monopoly	
26	KT104H	Kinh tế vĩ mô	3	The course offers analytical tools to aggregate employment, income, and inflation. Topics include major schools of economic thought; economic measures; money, inflation and unemployment; fluctuations and growth; stabilization techniques; and international trade.	Trường Kinh tế
27	KT110H	Thống kê trong kinh doanh	3	This course will provide students the knowledge on basic concepts in statistics; sampling methods and collecting data methods in statistics; methods of synthesising and presenting data in a research paper; description of sample's characteristics and inferential statistics methods.	Trường Kinh tế
28	KT142	Luật thương mại	3	Học phần này được thiết kế thành các chuyên đề trong lĩnh vực thương mại và liên quan trực tiếp đến hoạt động thương mại trong nước và quốc tế. Cụ thể là các chuyên đề chuyên sâu về hoạt động của thương nhân, về phá sản doanh nghiệp và hợp tác xã, về luật áp dụng và giải quyết trong thương mại quốc tế.	Khoa Luật
29	KT143	Luật cạnh tranh	2	Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức pháp lý cơ bản về pháp luật cạnh tranh. Môn học giúp sinh viên hiểu và nắm vững quy định pháp luật về các hành vi hạn chế cạnh tranh như thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị thế độc quyền, tập trung kinh tế. Bên cạnh đó, những quy định pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh như chỉ dẫn gây nhầm lẫn, xâm phạm bí mật kinh doanh, gây rối hoạt động doanh nghiệp khác, quảng cáo nhằm cạnh tranh không lành mạnh, khuyến mại nhằm cạnh tranh không lành mạnh, bán hàng đa cấp bất chính... cũng được làm sáng tỏ. Trên cơ sở đó, sinh viên có khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá những quy định pháp luật, nhận biết được ranh giới giữa hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh và hành vi không vi phạm. Từ đó, sinh viên có thể vận dụng những kiến thức có được vào thực tiễn. Mặt khác, những vấn đề về tố tụng liên quan đến các hành vi vi phạm luật cạnh tranh cũng được trình bày giúp học viên có được hiểu biết cơ bản về chế tài, cơ quan có thẩm quyền xử lý và trình tự thủ tục xử lý các vụ việc cạnh tranh.	Khoa Luật
30	KT106H	Quản trị học	3	The course is designed to provide learners with the foundational knowledge of management. The content of the module will introduce the concepts of management, the basic functions of management, the necessary skills of the administrator. This course also deals with the history of the birth and development of management theories and an introduction to the operating environment factors of an organization. In addition, this module also provides learners with knowledge of the communication process and information management. Another content of the module is to equip learners with knowledge and skills in making management decisions.	Trường Kinh tế
31	KT107H	Marketing căn bản	3	Basic Marketing is an important discipline which well equips students with foundation knowledge of Marketing as well as crucial role of Marketing activities in enterprises and the trend of Marketing in global business environment. After completing this discipline, students have the capability to	Trường Kinh tế

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy HP
				segment the market as well as to determine target market, product position and analyse customers behavior. Basis Marketing also helps learners to clearly understand about 4 components of Marketing Mix Strategy including Product Strategy, Pricing Strategy, Distribution Strategy and Promotion Strategy. Students will discuss and study cases that relates to some specific topics during their classes.	
32	KT108H	Nguyên lý kế toán	3	Topics covered include: Introduction to Accounting, Assets and Liabilities and Owners' Equity, Accounts and Double Entry Method, Accounting Evaluation Method, Documentation and Ledger Method, Accounting in Manufacturing Enterprises.	Trường Kinh tế
33	KT127H	Nguyên lý tiền tệ và Hệ thống tài chính	3	The content of finance –monetary to provide basic knowledge of the Scope: finance, currency, credit, State budget, Corporate finance, Financial markets, banking system and monetary policy.	Trường Kinh tế
34	KT116H	Quản trị tài chính 1	3	The main content of this course consists of some subjects related to investment decisions in corporate finance. Specifically, the course consists of 7 chapters, mainly focus on some topics as follows: (1) financial statement and financial statement analysis; (2) time value of money; (3) risk and return in financial investment; (4) bonds and stocks valuation; (5) cost of capital; (6) Capital budgeting and investment decision.	Trường Kinh tế
35	KT119	Phương pháp tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề	2	Môn học Phương pháp tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề là học phần thuộc nhóm kỹ năng mềm. Vì vậy, mục tiêu của môn học nhằm phát triển kỹ năng tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề của người học. Để đạt được mục tiêu, môn học trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về phương pháp tư duy và nguyên tắc giải quyết vấn đề. Bên cạnh, vì là học phần kỹ năng mềm nên quá trình học sẽ hướng người học phải thực hành thường xuyên các kỹ năng tại từng buổi học, thuyết trình sản phẩm sáng tạo, đánh giá và đề xuất gợi ý giải pháp cho các hoạt động tư duy giữa các nhóm với nhau.	Trường Kinh tế
36	KT205	Quy hoạch tuyến tính	3	Học phần hướng dẫn cho người học phương pháp thiết lập mô hình toán học bài toán sản xuất kinh doanh với mục tiêu tối ưu lợi nhuận hoặc tối thiểu chi phí trong điều kiện nguồn lực đưa vào sản xuất kinh doanh bị giới hạn. Hướng dẫn người học giải được mô hình bài toán và phân tích được tác động của sự biến động nguồn lực và giá cả thị trường vào bài toán thực tiễn sản xuất. Học phần cung cấp kiến thức toán học trong quản trị sản xuất như giải quyết bài toán vận tải, giải quyết bài toán bố trí cây trồng, bố trí phân công lao động nhằm đạt chi phí thấp nhất hoặc năng suất tối ưu. Ngoài ra, học phần còn giúp người học kiến thức toán học trong xây dựng, tổ chức, quản lý, kiểm soát dự án một cách tối ưu như tính toán thời gian dự án và quản lý tối ưu thời gian, tính toán chi phí dự án và tối thiểu chi phí...	Trường Kinh tế
37	KT323H	Kế toán quản trị	3	The course provides an introduction in managerial accounting as well as managerial accountant. It gives many kinds of classifying costs and applying cost classifying; Cost – Volume – Profit Analysis and applying in making decision; Developing accounting subsystems report and	Trường Kinh tế

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy HP
				evaluating subsystems; reporting suitable information to make decisions in short term and budgeting process consist of sales budget, production budget, cost budget and financial budget.	
38	KT113	Kinh tế lượng	3	Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân tích hồi quy: ước lượng, diễn giải, kiểm định và dự báo. Học phần còn trình bày việc xử lý các vấn đề trong phân tích hồi quy đối với các loại số liệu không gian (cross-section data) và chuỗi thời gian (time-series data). Song song với học lý thuyết, sinh viên còn được hướng dẫn xử lý các vấn đề về kinh tế lượng trong máy tính và thực hiện các nghiên cứu khoa học dưới các bài tập nhóm	Trường Kinh tế
39	KT111H	Kinh tế quốc tế	3	This unit includes 8 chapters, which focuses on trade theories such as Mercantilism, Absolute advantage, Comparative advantage and Competitive advantage. Besides, fundamental issues related to monetary would be mentioned in chapter 8.	Trường Kinh tế
40	KT341	Kế toán tài chính 1	3	Học phần Kế toán tài chính 1 bao gồm các nội dung sau: Kế toán tài sản cố định, kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN), kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm công nghiệp, kế toán tiêu thụ thành phẩm - xác định và phân phối kết quả kinh doanh.	Trường Kinh tế
41	KT115H	Quản trị nguồn nhân lực	3	After study this course, students will understand the important of human resources and students also study some methods to maintain as well as use the employees such as planning, analyzing a job, recruiting, evaluating, motivation and payments.	Trường Kinh tế
42	KT206	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2	Các nội dung chính được giảng dạy trong học phần này gồm nội dung đầu tiên là cách tiếp cận về khoa học hành vi, trong nội dung này CBGD sẽ cung cấp cho sinh viên các nội dung cụ thể về văn hoá doanh nghiệp, các yếu tố tác động đến văn hoá doanh nghiệp. Xây dựng và duy trì văn hoá doanh nghiệp, văn hoá trong các hoạt động kinh doanh, đạo đức kinh doanh và các dạng văn hoá doanh nghiệp.	Trường Kinh tế
44	KT213H	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	3	Manufacturing is a rapidly changing activity that needs a quick response to the diverse needs of the market. Changes in production technologies, the application of information technology achievements, the achievements of mechanization and automation have greatly affected the way enterprises are managed. Enterprises need to know how to forecast accurately the product demand, select the right place, arrange the logic layout, buy materials efficiently, control inventory logically, establishing suitable production schedule.... regardless of whether the enterprise produces simple or complex products. After participating in this course, students will be able to master the basics and specific situations that need to be addressed in the production management process.	Trường Kinh tế
44	KT345	Quản trị chất lượng sản phẩm	2	Nội dung học phần bao gồm 1) Một số vấn đề về quản trị chất lượng, phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những khái niệm và kiến thức cơ bản về quản trị chất lượng; 2) Các công cụ kiểm soát chất lượng bằng thống kê, trong phần 2 này sinh viên sẽ đi sâu vào ứng dụng của các công cụ kiểm soát	Trường Kinh tế

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy HP
				chất lượng bằng thống kê được áp dụng trong doanh nghiệp; 3) Hệ thống quản lý chất lượng, nội dung này sẽ trình bày một số hệ thống quản lý chất lượng phổ biến hiện nay.	
45	KT494	Kiến tập ngành Quản trị kinh doanh 1	2	Học phần này được xây dựng nhằm tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận được thực tiễn quản trị các công ty. Sinh viên được tham quan các công ty để tận mắt ‘thấy’ các hoạt động quản trị sản xuất, quản trị chất lượng, quản trị nhân sự và văn hóa doanh nghiệp trong các công ty. Sinh viên sẽ nghe và trao đổi chuyên môn với những nhà quản trị các công ty. Kết thúc đợt kiến tập, mỗi sinh viên sẽ viết báo cáo thu hoạch	Trường Kinh tế
46	KT325H	Nghiên cứu Marketing	3	This course offers an introduction to the basic knowledge of research process. Students are able to collect, analyse data and report their project. This course includes 8 chapters including Chapter 1: Introduction to Marketing Research, Chapter 2: Problem formulation and Research design, Chapter 3: Sampling methods and the related issues, Chapter 4: The process of data collection, Chapter 5: Questionnaire design, Chapter 6: Data analysis, Chapter 7: Some practical marketing research situations and Chapter 8: Marketing research project report.	Trường Kinh tế
47	KT201	Quản trị dự án	2	Môn học Quản trị dự án là học phần nhằm giúp người học có cái nhìn rõ hơn về tầm quan trọng của việc lập và quản lý dự án trước khi triển khai dự án trên thực tế. Để đạt được mục tiêu, môn học trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về các loại dự án, quản lý tổng thể dự án thông qua quá trình tổ chức, quản lý thời gian các công việc trong dự án và quản lý chi phí dự án. Bên cạnh, quá trình học sẽ hướng người học phải thực hành thường xuyên các kỹ năng tại từng buổi học như trình bày một dự án hoàn chỉnh.	Trường Kinh tế
48	KT332H	Hành vi tổ chức	3	The content of this course include the followings. First of all, it is about different approaches to behavioral organization. The second piece of the content is the foundation of individual and group behavior. The third one is about theories on hierarchy of needs. The remaining helps to learn about different styles of leadership.	Trường Kinh tế
49	KT330H	Khởi sự doanh nghiệp	3	The content concerntrates on the fundamental knowledge of start-up, the investigation of opportunities, potential in business and planning for start-up.	Trường Kinh tế
50	KT479	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	3	Học phần Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh được thiết kế nhằm giúp cho sinh viên có hiểu biết về việc thực hiện một nghiên cứu khoa học. Phần đầu của học phần này trình bày những kiến thức tổng quan về nghiên cứu khoa học, cách hình thành vấn đề nghiên cứu và thiết kế nghiên cứu trong quản trị và kinh doanh. Phần tiếp theo sẽ tập trung vào các đo lường trong nghiên cứu, phương pháp chọn mẫu, thu thập dữ liệu và phân tích dữ liệu. Cuối cùng, học phần sẽ giới thiệu về cách xây dựng một đề cương nghiên cứu, cách viết và trình bày một báo cáo nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực quản trị và kinh doanh.	Trường Kinh tế
51	KT191	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	3	Khóa học giới thiệu các kiến thức cơ bản về logistics và quản lý chuỗi cung ứng nhằm chuẩn bị những kiến thức cơ bản nhất để sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại bộ phận xuất nhập khẩu, cty kho vận, cty cung cấp dịch vụ	Trường Kinh tế

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy HP
				logistics, hãng tàu và có thể học lên cao hay đi sâu hơn vào chuyên ngành logistics, chuỗi cung ứng.	
52	KT346	Quản trị chiến lược	3	Học phần Quản trị chiến lược sẽ bao gồm những nội dung sau: Các khái niệm và lý luận cơ bản về chiến lược kinh doanh và quản trị chiến lược. Các bước trong qui trình quản trị chiến lược, các mô hình quản trị chiến lược cơ bản. Nội dung công việc hoạch định chiến lược, các công cụ sử dụng để phân tích và lựa chọn chiến lược kinh doanh. Những loại chiến lược kinh doanh cơ bản được áp dụng trong doanh nghiệp. Các hoạt động liên quan đến thực thi chiến lược. Kiểm tra và đánh giá chiến lược. Lý thuyết cơ bản về chiến lược cạnh tranh.	Trường Kinh tế
53	KT212H	Quản trị thương hiệu	3	This course includes 5 chapters, presenting overview of brand and brand management. It introduces related contents in branding, brand protection, brand development and brand exploitation. Student will apply theory to analyze and propose brand management strategic for a specific brand in the market.	Trường Kinh tế
54	KT487	Kiến tập ngành Quản trị kinh doanh 2	2	Học phần này được xây dựng nhằm tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận được thực tiễn quản trị các công ty. Sinh viên được tham quan các công ty để tận mắt ‘thấy’ các hoạt động quản trị chuỗi cung ứng, quản trị thương hiệu, hoạch định chiến lược và chính sách kinh doanh trong các công ty. Sinh viên sẽ nghe và trao đổi chuyên môn với những nhà quản trị các công ty. Kết thúc đợt kiến tập, mỗi sinh viên sẽ viết báo cáo thu hoạch.	Trường Kinh tế
55	KT207	Mô phỏng tình huống trong kinh doanh	3	Học phần Mô phỏng tình huống kinh doanh được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức/kỹ năng điều hành/quản trị một công ty/doanh nghiệp vận hành trong thị trường cạnh tranh. Nội dung của học phần là giúp cho sinh viên biết vận dụng tổng hợp các kiến thức về quản trị học, quản trị chiến lược, quản trị marketing, quản trị sản xuất, quản trị doanh nghiệp, quản trị tài chính, quản trị nhân sự, kế toán quản trị vào việc đưa ra các quyết định kinh doanh. Với phương pháp “học bằng cách làm” người học cũng hình thành được kỹ năng xây dựng chiến lược và lập kế hoạch kinh doanh cho công ty/doanh nghiệp.	Trường Kinh tế
56	KT493	Nghệ thuật lãnh đạo	2	Học phần trang bị cho học viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết về nghệ thuật lãnh đạo trong các tổ chức nhằm giúp họ biết cách lãnh đạo bản thân, lãnh đạo một phòng ban, đội nhóm hay tổ chức một cách hiệu quả nhất.	Trường Kinh tế
57	KT443	Chuyên đề Quản trị kinh doanh	2	Chuyên đề Quản trị kinh doanh là một nghiên cứu khoa học quan trọng của sinh viên, nhằm làm quen với việc thực hiện một nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực quản trị kinh doanh và đánh giá khả năng vận dụng tổng hợp những kiến thức chuyên môn đã tiếp thu từ các học phần thuộc Chương trình đào tạo để giải quyết những yêu cầu về ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn các hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị đặt ra. Kết hợp với sự hiểu biết về phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh, người học được yêu cầu tự chọn một vấn đề nghiên cứu phù hợp, xây dựng và thực hiện quy trình nghiên cứu, trình bày kết quả nghiên cứu dưới dạng một báo cáo khoa học.	Trường Kinh tế

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy HP
58	KT480	Phân tích định tính trong kinh doanh	2	Học phần Phân tích định tính trong kinh doanh được thiết kế nhằm giúp cho sinh viên hiểu và đánh giá vai trò tất cả những bước cần thiết phải thực hiện để có được một nghiên cứu định tính chất lượng. Nội dung của học phần này bắt đầu với những kiến thức tổng quan về nghiên cứu khoa học và về phân tích định tính, các điều kiện cần thiết để có thể áp dụng nghiên cứu định tính là phù hợp, và cách thức thiết kế một nghiên cứu định tính khoa học. Phần 2 của học phần cung cấp những kiến thức về các phương pháp thu thập dữ liệu định tính, trình tự của các bước cần tuân thủ trong quá trình thu thập dữ liệu để đảm bảo độ tin cậy của dữ liệu được thu thập. Nội dung cuối cùng hướng dẫn cho sinh viên có thể lựa chọn và áp dụng đúng các phương pháp phân tích cho vấn đề nghiên cứu.	Trường Kinh tế
59	KT337	Thương mại điện tử	2	Nội dung của môn học tập trung vào những kiến thức tổng quan về thương mại điện tử, cách thức giao dịch trong thương mại điện tử và một số nghiệp vụ cơ bản trong kinh doanh điện tử.	Trường Kinh tế
60	KT358	Quản trị quan hệ khách hàng	2	Môn học quản trị quan hệ khách hàng nhằm phát triển các kiến thức cơ bản về việc tổ chức và điều hành các hoạt động chăm sóc khách hàng. Cụ thể, môn học này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về vai trò và tầm quan trọng của quản trị quan hệ khách hàng, chiến lược quan hệ khách hàng, quản trị cơ sở dữ liệu khách hàng, quản trị xung đột và duy trì sự hài lòng của khách hàng. Môn học cũng cung cấp kiến thức về kiểm tra đánh giá và điều chỉnh hoạt động quản trị quan hệ khách hàng.	Trường Kinh tế
61	KT202H	Quản trị tài chính 2	3	This course focuses on some topics in corporate finance related to financial decision, working capital management and financial planning. Specifically, the course consists of 6 chapters, mainly focus on some topics as follows: (1) capital structure; (2) operating leverage and financial leverage; (3) dividend policy; (4) working capital management; (5) financing sources; (6) financial planning.	Trường Kinh tế
62	KT123E	Quản trị sự thay đổi	2	This module provides and equips students with basic knowledge about change and development in organizations. The main contents of the module include an overview of change and development, steps to implement change, change management to proactively develop, re-establish - change path to develop businesses, create constant change for growth. The content in chapter 1 will focus on overview of change and development, distinguishing development perspectives. The content in Chapter 2 will introduce the steps to change the business. The content in chapter 3 will focus on identifying the factors affecting change and planning for change. Chapter 4 will introduce the characteristics and skills of re-entering a business. The content of Chapter 5 will clarify the basic characteristics of leaders who are constantly changing.	Trường Kinh tế
63	KT316	Kinh doanh quốc tế	3	Nội dung môn học tập trung chính vào việc phân tích chiến lược toàn cầu và môi trường nền tảng để phân tích chiến lược kinh doanh quốc tế.	Trường Kinh tế

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy HP
64	KT316H	Quản trị đa văn hóa	3	The unit considers contemporary issues that affect the cross-cultural communication process before considering the international negotiation process. Objectives, methods of negotiation and ways of negotiating cross-culturally are considered. The unit seeks to impart to students the ability and an awareness of how to effectively communicate in a cross-cultural setting.	Trường Kinh tế
65	KT492	Giao tiếp trong kinh doanh	2	Học phần giúp người học nắm vững nguyên tắc, mục đích, chức năng giao tiếp tiếp và ý nghĩa của việc giao tiếp tốt để thực hiện giao tiếp tốt và giao tiếp có văn hóa các kỹ năng cơ bản như: Kỹ năng tạo ấn tượng ban đầu trong giao tiếp, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng từ chối, kỹ năng giao tiếp bằng ngôn ngữ, phi ngôn ngữ, kỹ năng giao tiếp qua điện thoại và giao tiếp bằng thư tín.	Trường Kinh tế
66	KT489	Kỹ năng đàm phán	2	Kỹ năng đàm phán nói chung và đàm phán trong kinh doanh nói riêng là học phần được thiết kế dành cho sinh viên các chuyên ngành thuộc khối ngành Quản trị kinh doanh, gồm quản trị kinh doanh thương mại, dịch vụ, marketing, và dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần này nhằm trang bị những kiến thức cần thiết và kỹ năng cơ bản về đàm phán trong kinh doanh, cũng như dựa vào những nguyên tắc để đàm phán hiệu quả. Nội dung chính tập trung vào mục đích đàm phán, phân tích kết quả đàm phán dựa vào lợi ích và mối quan hệ, các hình thức đàm phán, và những kỹ năng đàm phán.	Trường Kinh tế
67	KT490	Kỹ năng lập kế hoạch	2	Các nội dung chính được giảng dạy trong học phần này gồm nội dung đầu tiên là cách tiếp cận về khoa học hành vi, trong nội dung này CBGD sẽ cung cấp cho sinh viên các nội dung cụ thể về các kỹ năng tư duy và tìm kiếm giải pháp phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh bản thân để từ đó người học xây dựng cho mình kế hoạch học tập, kế hoạch cho công việc phù hợp và hiệu quả.	Trường Kinh tế
68	KT401H	Luận văn tốt nghiệp - QTKD	10	A graduation thesis is essential scientific research work for students to evaluate their ability to apply the professional knowledge acquired from the program's courses to solve the requirements of applying theory to practice in production, business, and management activities. Combined with an understanding of research methods in business, learners are required to choose an appropriate research problem, develop and implement a research process, present the research results in a scientific report, exchange research results at academic sessions, and defend them before the graduation committee.	Trường Kinh tế
69	KT291	Tiểu luận tốt nghiệp - QTKD	4	Tiểu luận tốt nghiệp là một công trình khoa học quan trọng của sinh viên, nhằm đánh giá khả năng vận dụng tổng hợp những kiến thức chuyên môn đã tiếp thu để giải quyết những yêu cầu về ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn các hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị đặt ra. Kết hợp với các kiến thức đã được trang bị thông qua học phần Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh, người học được yêu cầu tự chọn cho bản thân một vấn đề nghiên cứu phù hợp với chuyên môn của ngành đào tạo, xây dựng và thực hiện quy trình nghiên cứu, trình bày kết quả nghiên cứu dưới dạng một báo cáo khoa học và thực hiện chia sẻ kết quả nghiên cứu tại các buổi seminar hay sinh hoạt học thuật.	Trường Kinh tế

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy HP
70	KT491	Dự báo trong kinh doanh	3	Học phần cung cấp cho sinh viên các kỹ thuật dự báo phục vụ cho công tác dự báo trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Ngoài ra, sinh viên sẽ được giới thiệu các phần mềm dự báo trong STATA/EVIEWS để ứng dụng các phương pháp/mô hình dự báo định lượng và định tính dựa trên số liệu sẵn có.	Trường Kinh tế
71	KT286	Quản trị rủi ro trong kinh doanh	3	Học phần Quản trị rủi ro kinh doanh cung cấp kiến thức nền tảng và kỹ năng về quản trị rủi ro, phân tích và nhận dạng được các loại rủi ro đặc thù đối với mỗi doanh nghiệp, đo lường được mức độ ảnh hưởng của rủi ro đối với doanh nghiệp, xây dựng được các chương trình hành động nhằm kiểm soát rủi ro và lựa chọn phương án tài trợ thích hợp cho từng loại rủi ro trong phạm vi cho phép để đảm bảo đạt được mục tiêu và kế hoạch doanh nghiệp đã đặt ra.	Trường Kinh tế
72	CN204	Quản lý kỹ thuật và công nghệ	2	Giới thiệu chung về cơ sở quản lý kỹ thuật và công nghệ như vai trò, mục tiêu và phạm vi của quản lý kỹ thuật và công nghệ, tìm hiểu về môi trường công nghệ như cơ sở hạ tầng công nghệ, các yếu tố ảnh hưởng và cách xác định chỉ số môi trường công nghệ từ đó dựa trên một số nguyên tắc để tiến hành đánh giá công nghệ, nêu lên các phương pháp lựa chọn công nghệ thích hợp, cách phân loại và tiến hành đổi mới công nghệ, phương pháp phân tích và các biện pháp nâng cao năng lực công nghệ, quá trình chuyển giao công nghệ, quản lý Nhà nước về kỹ thuật và công.	Trường Kinh tế
73	KT208	Quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp	2	Người học sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin doanh nghiệp. Giúp cho sinh viên có cái nhìn tổng quan về hệ thống thông tin trong doanh nghiệp và giúp sinh viên có thể thiết kế một hệ thống thông tin có hiệu quả nhằm phục vụ cho nhà quản trị doanh nghiệp.	Trường Kinh tế

Đề cương chi tiết các học phần được đính kèm ở phần Phụ lục.

5. Phương pháp giảng dạy và học tập

- Phương pháp giảng dạy và học tập được lựa chọn trên cơ sở đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần, mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nhằm phát triển khả năng khám phá kiến thức, khả năng nhận thức và khả năng kiến tạo ra kiến thức mới của người học. Tùy thuộc vào đặc trưng của từng ngành học, nội dung từng học phần, mà giảng viên sử dụng các hình thức dạy học và phương pháp dạy học khác nhau.

- Đối với hình thức tổ chức dạy học có thể gồm những hình thức như: dạy trực tiếp trên lớp học hay ngoài cộng đồng (tại các công ty sản xuất, công ty thương mại...) hoặc dạy học trực tuyến. Đối với phương pháp dạy và học, giảng viên thường sử dụng độc lập hoặc kết hợp nhiều phương pháp dạy học đa dạng như sau: phương pháp quan sát, phương pháp trải nghiệm thực tế, phương pháp học qua dự án, phương pháp nghiên cứu trường hợp, phương pháp học qua tình huống, phương pháp giải quyết vấn đề, phương pháp thuyết trình, phương pháp tra cứu, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp diễn giảng, đàm thoại gợi mở, minh họa thực hành, trò chơi, tự học độc lập,...

6. Phương pháp đánh giá

- Phương pháp đánh giá lựa chọn phù hợp với nội dung học phần và phù hợp với phương pháp dạy và học đồng thời đảm bảo đo được chuẩn đầu ra mà chương trình đào tạo mong muốn người học đạt được. Có hai hình thức đánh giá người học được giảng viên sử dụng phổ biến trong quá trình đào tạo là đánh giá thường xuyên (đánh giá liên tục trong suốt tiến trình đào tạo) và đánh giá tổng hợp thực hiện định kỳ vào giữa và cuối các tiến trình học tập (ví dụ như đánh giá giữa học kỳ và đánh giá cuối học kỳ). Các phương pháp đánh giá trực tiếp và gián tiếp thông qua trắc nghiệm, tự luận, bài kiểm tra ngắn, câu trả lời ngắn, ý kiến thảo luận, sản phẩm của nhóm, bài thuyết trình, hình vẽ, sơ đồ, bài viết, nhật ký học tập, kiểm tra thực hành, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, vấn đáp, báo cáo, tiểu luận tốt nghiệp, luận văn tốt nghiệp...

- Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

TRƯỜNG KINH TẾ
HIỆU TRƯỞNG

Cần Thơ, ngày 22 tháng 8 năm 2024
TRƯỞNG KHOA



Lê Khương Ninh

Lê Tấn Nghiêm

PHỤ LỤC
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN